

TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỐNG NHẤT NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG THỤY

Trưởng khoa Địa chất và dầu khí Trường Đại Học kỹ thuật

Trong những năm gần đây việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là một chủ trương lớn của Chính phủ. Đối với ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam, Thủ tướng chỉ đạo: “ngành công nghiệp dầu khí phải phát triển nhanh, vững chắc hơn nữa theo hướng đã định, xứng đáng với vai trò của một tổ chức kinh tế quốc doanh hàng đầu của các ngành kinh tế” (1). Để thực hiện nhiệm vụ đó, trước hết cần phải nghiên cứu kỹ các đặc điểm của ngành công nghiệp dầu khí.

1. Một số đặc điểm chính của ngành công nghiệp dầu khí

Dầu khí là ngành công nghiệp của công nghiệp. Trong chiến lược đưa nước Nga từ một nước lạc hậu nửa phong kiến nửa tư bản thành một quốc gia phát triển, một xã hội công bằng, văn minh, V.I. Lênin đã nói: “Chủ nghĩa cộng sản bằng chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc” (2). Tức là Người chỉ ra hai yếu tố chính để phát triển đất nước:

Rõ ràng điều cần làm đầu tiên để công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là phát triển năng lượng. Dầu khí tham gia hơn 50% tổng năng lượng tiêu thụ trên toàn thế giới (bảng 1); riêng ở các quốc gia phát triển như ở Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu con số này lên đến khoảng 60% (3). Ngành công nghiệp dầu khí đã thúc đẩy phát triển các ngành năng lượng, luyện kim, cơ khí chế tạo, vận chuyển, đóng tàu, hóa học, hóa dầu, tơ sợi, phân bón, bột giặt, chất dẻo v.v... Sự phát triển toàn bộ ngành công nghiệp dầu khí sẽ thu hút một số lượng lớn lao động, dễ dàng tạo nên nền công nghiệp hiện đại để đưa nền kinh tế quốc dân đến phồn vinh.

Bảng 1: Nhu cầu năng lượng thế giới

(10⁹ tấn dầu qui đổi)

Năm	1960	1970	1980	1988	2000	2010
Dầu	1,1	2,4	3,05	3,0	3,3 - 3,6	3,7 - 4
Khí	0,4	1,0	1,25	1,65	1,9 - 2,2	2,3 - 2,6
Than	1,5	1,7	2,0	2,45	2,9 - 3,4	3,6 - 4,2
Hạt nhân	---	---	0,15	0,4	0,6 - 0,8	0,7 - 0,9
Thủy điện, năng lượng khác	---	---	---	---	---	---
Cộng	0,2	0,3	0,45	0,50	9,5-11,0	1,0 - 1,2
	3,2	5,4	7,0	8,00	9,5- 11,0	11,3-12,9

Nguồn: Viện dầu khí Pháp. 1989

tổ chức quản lý xã hội nói chung, tổ chức quản lý nền kinh tế nói riêng và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thật vậy, từ kế hoạch GOELRO (điện khí hóa toàn nước Nga) nước Nga đã đi lên và ngày nay là một trong những cường quốc hàng đầu thế giới.

Tóm lại, công nghiệp dầu khí có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển của từng quốc gia, vì vậy mọi chính phủ đều dành mối quan tâm đặc biệt đến các hoạt động dầu khí.

Công nghiệp dầu khí đòi hỏi vốn đầu tư lớn: Dầu khí là loại khoáng sản

quí được tạo thành từ nhiều ngàn năm trước, nằm sâu trong lòng đất. Do vậy, việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến đòi hỏi phải có chi phí khổng lồ. Bảng 2 trình bày tổng nhu cầu vốn để phát triển ngành công nghiệp dầu khí thế giới trong giai đoạn 1993-2005 lên đến hơn 900 tỉ USD. Trước đó, trong những năm 80 vốn đầu tư trung bình hàng năm cho ngành này ước tính khoảng 100 tỉ USD (4).

Bảng 2: Dự kiến nhu cầu vốn cho ngành Công nghiệp dầu khí thế giới 1993-2005

STT	Lĩnh vực đầu tư	Vốn đầu tư (tỉ USD)
1	Thượng nguồn ngành công nghiệp dầu khí	595
2	Hạ nguồn ngành công nghiệp dầu khí	200
3	Các hoạt động khác của ngành công nghiệp dầu khí	115
Tổng cộng		910

Nguồn: kế hoạch và tài liệu công bố chính thức

Chỉ riêng đầu tư cho thượng nguồn ngành công nghiệp này vào các năm 2000, 2010, 2020 đã là những con số khá lớn, dự kiến lần lượt là 260 tỉ, 490 tỉ và 555 tỉ USD.

Vì lẽ đó mà các công ty dầu khí cần phải có khả năng tài chính rất lớn. Tức là các công ty phải lớn và thống nhất chỉ huy tập trung, liên doanh, liên kết là điểm đặc trưng của tổ chức quản lý ngành công nghiệp này.

Công nghiệp dầu khí có nhiều rủi ro: Vấn đề rủi ro ở đây là chưa có phương tiện để xác định chắc chắn trong lòng đất có dầu hay không. Tất cả các phương pháp đã dùng chỉ cung cấp ý tưởng chung về cấu trúc của lòng đất và để xác định cấu trúc đó có chứa dầu khí hay không thì phải khoan một hoặc một số giếng khoan. Hơn nữa, ngay sau khi dầu khí đã phun ra

cũng không biết chắc là trữ lượng vừa phát hiện có ý nghĩa thương mại hay không. Cũng ở đây, phải khoan nhiều giếng để có được thông tin sơ bộ dùng vào việc đánh giá trữ lượng đã tìm. Do chiều sâu của mỏ lớn nên chi phí thăm dò rất cao, rủi ro về tài chính so với công nghiệp than, uranium là lớn hơn nhiều.

Các cơ hội phát hiện ra mỏ là hoàn toàn khác nhau và phụ thuộc vào vùng thăm dò. Hình 1 biểu diễn số giếng khoan thăm dò trên diện tích 10.000km² ở các vùng khác nhau và hiệu quả tìm thấy dầu ở đó.

Từ đó ta dễ dàng thấy rằng thăm dò dầu khí là một việc làm may rủi với xác suất thành công rất thấp, và để đạt được kết quả, các công ty dầu khí phải mua một số lượng giấy phép thăm dò lớn nhất khi có thể mà giá trung bình của một giấy phép là cực cao. Như vậy "một việc làm táo bạo nào đó trong lĩnh vực khai thác có thể dẫn đến giàu có hoặc phá sản. Không có giai đoạn nào của ngành công nghiệp dầu khí mà không bị ảnh hưởng bởi nguồn gốc thất thường này" (6).

Công nghiệp dầu khí có tính quốc tế cao. Như đã đề cập ở trên, các công ty dầu khí phải phối hợp các cố gắng tài chính của họ để đạt được một sự tập trung nào đó. Họ phải mở rộng thăm dò đến mức tối đa để bảo đảm sự tăng trưởng cho chính họ và cũng trải rộng sự may rủi theo địa lý. Bởi vậy, các công ty dầu khí phải lớn, thống nhất và các đơn vị thành viên của họ phải phân bố khắp thế giới. Hiện nay ở Việt Nam có mặt hơn 50 tập đoàn dầu khí từ hơn 20 nước trên thế giới là một điều dễ hiểu.

Ngành công nghiệp dầu khí đòi hỏi phải áp dụng khoa học - công nghệ ở trình độ cao, cho nên các công ty dầu khí lớn đều xuất phát từ các quốc gia phát triển. Trong khi đó, do điều kiện địa chất thuận lợi, các mỏ dầu phần lớn nằm ở lãnh thổ các quốc gia đang phát triển. Nhưng chính các quốc gia phát triển lại là những quốc gia tiêu thụ dầu khí. Vì vậy, trên thế giới đã hình thành nên ba nhóm với những quan tâm khác nhau: Các nước sản xuất dầu khí cố gắng tăng thu nhập qua thuế hoặc bằng cách duy trì giá bán hoặc bằng cách tăng giá bán; các công ty dầu khí quốc tế cố gắng bán càng nhiều càng tốt trong điều kiện vẫn giữ mức lãi đơn vị; các nước tiêu thụ dầu khí mong muốn mua dầu thô với giá hợp lý nhất, phù hợp với thị trường quốc tế và bảo đảm cung cấp ổn định. Mức giá hiện nay phụ thuộc vào sự cân bằng khả năng của ba nhóm này và sự cạnh tranh bên trong của chính họ.

Mặc dù có những quan tâm khác nhau, nhưng mỗi nhóm chỉ đạt được

quyền lợi của mình khi mà ngành công nghiệp dầu khí phát triển. Bởi vậy nên họ phải thỏa thuận các hình thức hợp tác để cùng nhau hoạt động.

Từ những đặc điểm trên ta có thể đi đến một nhận xét chung nhất là: các công ty dầu khí phải có khả năng tài chính lớn tức là chúng phải lớn với hệ thống tổ chức quản lý thống nhất để đủ sức cạnh tranh và hợp tác phát triển trên qui mô toàn thế giới.

2. Vài nét về ngành dầu khí Việt Nam hiện nay

Sau 20 năm hình thành và phát triển, ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam có những bước đi vững chắc và những đóng góp to lớn cho đất nước. Năm 1986, bắt đầu khai thác và khai thác được 40 ngàn tấn dầu thô; năm 1996 đã nâng mức sản lượng này lên 8,8 triệu tấn. Quả là một bước đi khá dài chỉ trong vòng mười năm khai thác dầu của PetroVietnam. Đặc biệt là giai đoạn 1991-96, nền kinh tế đang ở trong tình trạng khủng hoảng, thiếu ngoại tệ trầm trọng, một miếng khi đói bằng một gói khi no, ngành công nghiệp dầu khí đã mang về cho đất nước từ xuất khẩu dầu thô hàng trăm triệu USD (bảng 3), góp phần cùng với các ngành kinh tế khác từng bước đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng và hội nhập vào trào lưu phát triển thế giới.

Bảng 3. Kim ngạch xuất khẩu dầu mỏ thời kỳ 1991-1996

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Kim ngạch xuất khẩu dầu thô (triệu USD)	593	825	946	976	1193	1360
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	2087	2581	2985	3600	5300	7100
% tổng kim ngạch xuất khẩu	28	32	32	27	22	19

Nguồn: PetroVietnam, 1996

Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, hệ thống tổ chức quản lý của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam luôn được đổi mới thích hợp để hoàn thành nhiệm vụ mới đặt ra. Những thành tựu mà PetroVietnam đã đóng góp cho đất nước khẳng định quá trình đổi mới đó là hoàn toàn đúng đắn.

Thực hiện chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, Chính phủ chủ trương đổi mới DNNN theo hướng đổi mới tổ chức quản lý nhằm phân biệt quyền sở hữu nhà nước với quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đa dạng hoá sở hữu mà kinh tế quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Theo hướng này ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam cần được tổ chức thống nhất thành tập đoàn kinh tế mạnh thuộc sở hữu nhà nước. Muốn vậy, cần phải khắc phục

một số tồn tại:

a. Còn thiếu vắng một số mắt xích trong hệ thống tổ chức quản lý:

- Cho đến nay chúng ta vẫn chưa có nhà máy lọc dầu. Triển khai dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là một quyết định sáng suốt nhằm làm gia tăng lợi ích quốc gia. Đó là:

• Từng bước khắc phục tình trạng xuất khẩu nguyên liệu thô

• Sản xuất hàng thay thế hàng nhập khẩu để tiết kiệm ngoại tệ. Đây là một chủ trương lớn của các nước đang phát triển đã đi trên con đường công nghiệp hóa đất nước. Cho đến năm 2000, khi Nhà máy lọc dầu số 1 đi vào hoạt động, toàn bộ xăng dầu tiêu dùng trong nước đều phải nhập khẩu. Năm 1996 nhập khẩu 5,8 triệu tấn xăng dầu tốn gần một tỉ USD - một lượng ngoại tệ lớn - trả cho nước ngoài. Chắc chắn khi ta có nhà máy lọc dầu số 1 và số 2 hoạt động thì sẽ không mất một khoản tiền như vậy

• Đào tạo được đội ngũ lao động có trình độ khai thác các thiết bị hiện đại của thế giới. Giải quyết được công việc làm cho lực lượng lao động trẻ đang thiếu việc làm. Cải thiện cuộc sống của họ và đặc biệt là góp phần giải quyết tốt mục tiêu xã hội của hoạt động kinh tế này.

- Mặc dù hàng năm chúng ta phải xuất khẩu một lượng dầu thô đến gần 9 triệu tấn, nhập khẩu xăng dầu

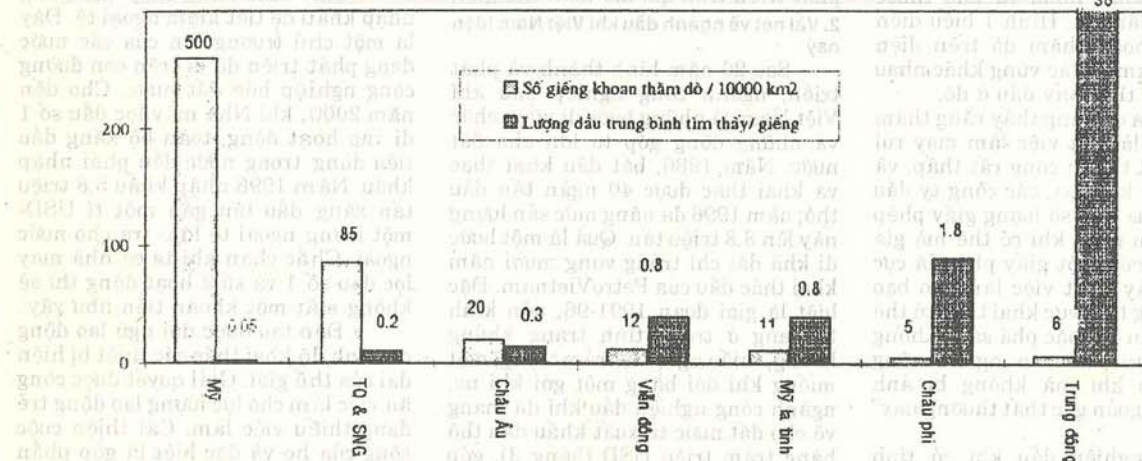
gần 6 triệu tấn và sẽ còn gia tăng trong những năm tới. Nhưng chúng ta vẫn chưa có một đội tàu vận tải dầu. Hiện nay, Tổng công ty hàng hải Việt Nam mới đảm nhận vận tải 10% tổng lượng dầu thô xuất khẩu, kế hoạch đến năm 2000 sẽ nâng con số này lên đến 30% (8). Việc PetroVietnam phải thuê tàu của Tổng công ty hàng hải, hiện nay, là không còn thích hợp mà nên chuyển hai tàu chở dầu hiện có và khoản kinh phí mua tàu chở dầu đã được Chính phủ phê duyệt tại nghị định 159/TTg về PetroVietnam, lập nên đội tàu vận tải dầu để thực hiện quản lý thống nhất ngành dầu khí Việt Nam. Trước mắt PetroVietnam nên tự vay tiền để mua tàu trả chậm và chuẩn bị sẵn sàng tiếp nhận khi Tổng công ty hàng hải bàn giao tàu và kinh phí mua tàu.

b. Tổ chức còn phân tán, nhiệm vụ còn trùng lặp:

Căn cứ vào mục tiêu hoạt động, DNNN được chia ra làm hai nhóm. Nhóm A gồm loại doanh nghiệp ra đời vì mục tiêu chính trị, an ninh xã hội, bảo đảm các lợi ích chung cho toàn xã hội và mục tiêu phi kinh doanh nhưng được tổ chức các hoạt động như một

vốn ra để cho hai doanh nghiệp của mình, Petrolimex và PetroVietnam, cạnh tranh nhau ở thị trường xăng dầu trong điều kiện kinh tế mở là một thiếu sót về mặt tổ chức, đã giao nhiệm vụ trùng lặp, tạo ra cạnh tranh nội bộ làm giảm năng lực cạnh tranh

Petrolimex về PetroVietnam để khắc phục tính rời rạc, phân tán và nhiệm vụ trùng lặp là những bước đi thích hợp nhằm thực hiện tổ chức quản lý thống nhất ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam[■]



Nguồn: Viện Dầu khí Pháp, 1992

Hình 1: Số lượng giếng khoan thăm dò / 1000Km² và lượng dầu trung bình tìm thấy / giếng (10⁶ T)

doanh nghiệp và có thể coi như DNNN "chịu trách nhiệm vô hạn". Nhóm B gồm loại doanh nghiệp ra đời và tồn tại vì mục tiêu lợi nhuận. Thực tiễn hoạt động của các DNNN thuộc nhóm này đã được chia ra thành loại DNNN theo tính chất, vai trò then chốt của từng ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân và mức độ sinh lời của từng doanh nghiệp.

Tổng công ty dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) trực thuộc Thủ tướng Chính phủ và Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) trực thuộc Bộ Thương mại là hai DNNN thuộc nhóm B, cùng hoạt động trong ngành công nghiệp dầu khí Việt nam. Mô hình PetroVietnam khai thác rồi xuất khẩu dầu thô và nhập về một ít xăng dầu để kinh doanh trong nước (chỉ chiếm 13% thị phần); còn Petrolimex nhập khẩu xăng dầu cung ứng cho 2/3 nhu cầu của nền kinh tế là không còn thích hợp nữa. Nhất là khi PetroVietnam đưa hai nhà máy lọc dầu vào hoạt động thì hiệu quả kinh doanh trở nên phức tạp hơn nhiều. Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ "thống nhất chỉ huy từ khâu đầu đến khâu cuối" của ngành dầu khí thì việc Petrolimex trực thuộc Bộ Thương mại là một sự phân tán về tổ chức. Sự phân tán về tổ chức chính là sự phân tán tiền vốn, phân tán về năng lực cạnh tranh. Đó là điều không nên có.

Hơn nữa, "Ông chủ Nhà nước" bỏ

quốc tế, sai mục tiêu hoạt động ban đầu. Việc này chỉ được khắc phục khi Petrolimex là một đơn vị thành viên của PetroVietnam.

Tóm lại, ngành công nghiệp dầu khí Việt nam cần được tổ chức thành một tập đoàn kinh tế mạnh, "hoàn chỉnh, đồng bộ từ khâu đầu đến khâu cuối và thực sự trở thành một tổ hợp lớn bao gồm thăm dò, khai thác, tàng trữ, phân phối, xuất nhập khẩu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm" (9). Việc lập đội tàu vận tải dầu thuộc PetroVietnam, xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất để khắc phục một số mất xích thiếu vắng trong ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam; chuyển

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Nhật báo Sài Gòn giải phóng. Ngày 12/07/1995.
- (2) Lenin tuyển tập. Tập 42. NXB Sự thật. Hà nội 1966
- (3) J. Masseron. *Petroleum Economics, Technip*. Paris 1992.
- (4) Petrovietnam. Tạp chí Dầu khí. Số 5/1996
- (5) Frankel P. N. Mattei, *Oil and power politics*. Faber and Faber Ltd. London. 1966
- (6) Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Số xuân Đinh Sửu 1997.
- (7) Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Số 43 / 96.
- (8) Đảng Cộng sản Việt nam. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta đến năm 2000*. NXB Sự thật. Hà nội - 1991.

